HTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Văn L sinh năm: 1973

Bị đơn: Đặng Thị H sinh năm: 1971

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn MA, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Ông L, bà H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông L trình bày: Ông và bà H lấy nhau năm 1997, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ An ngày 25/03/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện tình cảm, bà H thường xuyên bỏ nhà đi đâu đó một thời gian không lý do rồi về, ông nói tới thì vợ chồng lại cải nhau, bà H không còn yêu thương ông và con như trước. Từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, mỗi lần nói chuyện thì lại cãi nhau. Đến nay ông thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, nên làm đơn yêu cầu ly hôn với bà H.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Trần Thị Diễm H, sinh ngày 11/7/1999 và Trần Đức D, sinh ngày 29/6/2003. Diễm T trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện Đức D đang sống với ông L, ông yêu cầu được nuôi dưỡng Đức D, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nợ* : Không có.

Bà H trình bày: Bà và ông L sống chung với nhau từ năm 1997, đến năm 2014 đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung không có hạnh phúc, thường xuyên gây lộn về tình cãm và tiền bạc nhưng vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng để lo cho con. Nay ông L yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Diễm T, sinh ngày 11/7/1999 và Trần Đức D, sinh ngày 29/6/2003. Diễm T trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện Đức D đang sống với ông L, bà đồng ý ông L nuôi Đức D.

Về tài sản, nợ: không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên họp và hòa giải.

Về nội dung:

Công nhận thuận tình ly hôn của ông L và bà H.

Ông L được tiếp tục nuôi Trần Đức D, ông L không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Văn L và bà Đặng Thị H sống chung với nhau vào năm 1997, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà H.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà H vì ông H cho rằng tình cảm không còn, đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống chung không hạnh phúc và tại phiên tòa hôm nay bà H cũng đồng ý ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Ông L và bà H thống nhất có 02 con chung tên Trần Thị Diễm T, sinh ngày 11/7/1999 và Trần Đức D, sinh ngày 29/6/2003. Diễm T trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện Đức D đang sống với ông L. ông yêu cầu được nuôi dưỡng Đức D, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay bà H cũng đồng ý giao cho ông L tiếp tục nuôi Trần Đức D, sinh ngày 29/6/2003. Không cấp dưỡng.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên họp và hòa giải.

Về nội dung: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Công nhận thuận tình ly hôn của ông L và bà H.

Ông L được tiếp tục nuôi Trần Đức D, ông L không yêu cầu cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn L và bà Đặng Thị H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Ông L và bà H thống nhất có 02 con chung tên Trần Thị Diễm T, sinh ngày 11/7/1999 và Trần Đức D, sinh ngày 29/6/2003. Diễm T trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L và bà H đồng ý giao cho ông L tiếp tục nuôi Trần Đức D, sinh ngày 29/6/2003, ông L không yêu cầu cấp dưỡng.

Ông L, bà H có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nợ: Không có.

4. Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số BG/2015 0005533, quyển số 0000111 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh ĐT
- VKSND cùng cấp.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án (M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Mai